

## THƯỜNG THỨC TRUNG QUỐC HỌC

# VỀ BỐN LOẠI SÁCH SỬ LỚN TRONG NỀN SỬ HỌC TRUNG QUỐC: *CHÍNH SỬ, BIỆT SỬ, TẠP SỬ, DÃ SỬ*

Đến nay, sau hơn 2000 năm hình thành và phát triển, số lượng trước tác sử học của Trung Quốc là hết sức đồ sộ. Để tiện cho việc thống kê, các nhà mục lục học đã chia số trước tác sử học trên thành 4 loại lớn là Chính sử - Biệt sử - Tạp sử và Dã sử.

Về Chính sử và Biệt sử, tiêu chí ghi chép về chúng trong các loại mục lục qua các thời hoàn toàn không thống nhất, vì thế trong một thời kỳ dài, giới hạn của chúng rất khó minh định. Đến triều Thanh, *Tứ khố toàn thư tổng mục* được soạn thời Càn Long đã xác định rõ sách sử thể truyện ký là chính sử. Sau đó, Hoàng đế Càn Long lại ban bố chiếu thư, quy định cụ thể “24 bộ sử” (Nhị thập tứ sử) trong số sách sử thể truyện ký là chính sử. Đó là các bộ sử: *Sử ký, Hán thư, Hậu Hán thư, Tam quốc chí, Tấn thư, Tống thư, Nam Tê thư, Lương thư, Trần thư, Ngụy thư, Bắc Tê thư, Chu thư, Tùy tư, Nam sử, Bắc sử, Cựu Đường thư, Tân Đường thư, Cựu ngũ đại sử, Tân ngũ đại sử, Tống sử, Liêu sử, Kim sử, Nguyên sử* và *Minh sử*. Năm 1921, Chính phủ quân phiệt Bắc Dương lại ban lệnh, bổ sung bộ *Tân*

*Nguyên sử* là chính sử. Như vậy, khái niệm “Biệt sử” mà người Trung Quốc dùng ngày nay đã có một giới định tương đối rõ ràng: Nói chung, Biệt sử là loại sách sử không thuộc “25 bộ sử” (Nhị thập ngũ sử) đã được nhà nước xác định; đó là loại sách có thể lệ, có hệ thống, và có quan hệ với nền chính trị của một hoặc nhiều triều đại. Biệt sử chủ yếu có 5 loại là: 1/ Thông sử thể biên niên, như: *Tứ trị thông giám* của Tư Mã Quang, *Dịch sử* của Mã Túc; 2/ Đồng đại sử thể biên niên, như: *Tiền Hán ký* của Tuần Duyệt, *Hậu Hán ký* của Viên Hoảng; 3/ Quốc biệt sử (lịch sử của cá nhân hoặc sự việc nào đó trong nước), như: *Thập lục quốc xuân thu* của Thôi Hồng, *Cửu quốc chí* của Lộ Trấn; 4/ Thông sử thể truyện ký, như: *Thông sử* của Lương Vũ Đế, *Cổ sử* của Tô Triệt; 5/ Đồng đại sử thể truyện ký, như: *Tục Hán thư* của Tư Mã Bưu, *Tây Ngụy thư* của Tạ Khải Côn. Ngoài ra, Biệt sử còn có 2 loại nữa, là sử bổ và tục biên (là loại sách sử chú thích, bổ sung hoặc viết tiếp một tác phẩm nào đó), như *Tống sử tân biên* của Kha Duy Kỳ, *Tân ngũ đại sử chú* của Chu Di Tôn, v.v... Căn cứ vào giới định kể trên, về căn bản,

Biệt sử là loại sách sử mới ra đời sau thời Tần, và đồng loạt xuất hiện trong thời kỳ Ngụy - Tấn - Nam, Bắc triều (220-581). Thời kỳ này, sử học Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sau thời Ngụy - Tấn (220-420) trào lưu tư gia biên soạn sách sử thịnh hành, nên Biệt sử xuất hiện càng nhiều. Theo thống kê, thời đó, trước thuật về lịch sử thời hậu Hán (25-220) có 12 nhà; về lịch sử thời Tam quốc (220-280) có 8 nhà; về lịch sử triều Tây Tấn (265-316) có 23 nhà; về “Ngũ triều thập lục quốc” (304-439) có 30 nhà; về Nam triều (420-589) có 24 nhà; về Bắc triều (386-581) có 8 nhà. Thời kỳ Tùy - Đường - Tống - Nguyên (581-1368), Biệt sử giành được thành tựu lớn nhất. Khoảng trước sau năm 787, tuy đã xuất hiện 15 bộ chính sử, nhưng sự phát triển của thể loại này không giàu tính sáng tạo - nếu so với Biệt sử, nên Biệt sử trở thành loại sách chủ yếu trong lịch sử phát triển sử học thời kỳ này.

Về Tạp sử, xét từ nội dung, nó cũng ghi chép những biến cố chính trị lớn của một triều nào đó, hoặc những sự kiện quan trọng của một thời nào đó trong lịch sử. Nhưng Tạp sử không giống với chính sử, có đầy đủ các phần Ký - Truyện - Biểu - Chí; cũng không giống với Biệt sử, có cách trình bày hệ thống và hoàn chỉnh. Tạp sử hoặc ghi chép đầu đuôi của một sự kiện, hoặc thuật lại kiến văn của một thời; hơn nữa, nó hoàn toàn không bị sự kiểm soát của nhà nước, mà chỉ là những ghi chép riêng của một nhà. Vì nội dung của nó xen lẫn thực hư, và phần lớn có tính chất chường cổ (tức là những điển tích về chế độ, nhân vật, sự kiện trong lịch sử), nên loại trước thuật này được gọi là Tạp sử. Đường nhiên, không giống với các loại tạp

học, tạp khảo, tạp thuyết và tạp biên, Tạp sử tất phải là trước tác ghi chép lịch sử. Do Tạp sử là trước tác của tư gia, đã không chịu sự hạn chế về thể lệ, cũng lại không chịu sự ràng buộc của tư tưởng chính thống; cứ thấy là ghi, nghĩ ra là viết, chẳng hề e ngại. Điều này khiến Tạp sử có vị trí đặc thù trên phương diện sử liệu học: so với chính sử và Biệt sử, tính chân thực lịch sử của Tạp sử có khi cao hơn. Song, trong Tạp sử, cũng có một số là ngụy thư; có những trước tác tuy không phải là ngụy thư, nhưng những điều nghe thấy được ghi lại không chính xác, hoặc cá nhân người viết có thiên kiến. Đây chính là chỗ bất cập của Tạp sử, đòi hỏi các nhà sử học luôn giữ thái độ thận trọng khi sử dụng loại trước tác này.

Thời đại Tiên Tần, Tạp sử đã xuất hiện, với những trước tác như *Quốc ngữ*, *Chiến quốc sách*, *Thế bản*, *Dật chu thư*, *Trúc thư kỷ niên*, *Mục thiên tử truyện*, *Sơn hải kinh*, v.v... Thời kỳ Lương Hán - Ngụy, Tấn (206 trước CN - 316), do tiến bộ xã hội, biến đổi chính trị và sự phát triển của sử học nên hàng loạt trước tác Tạp sử đã xuất hiện. Tổng hợp những trước tác Tạp sử thời kỳ này, có thể chia thành 11 loại sau: 1/ Loại cổ sử, như: *Thục Vương bản ký* của Dương Hùng, *Đế vương thế kỷ* của Hoàng Phủ Bật; 2/ Loại ngoại sử, như: *Phật quốc ký* của Pháp Hiển, *Thế giới ký* của Tăng Hộ; 3/ Loại khởi cư trú, như: *Hán Hiến đế khởi cư trú* của Hầu Cảnh; 4/ Loại truyện ký, như: *ích Đô Kỳ cư truyện* của Vương Kiêm, *Dự Chương liệt sĩ truyện* của Từ Chính; 5/ Loại phổ điệp, như: *Tam ba ký* của Tiên Chu, *Lạc Dương già lam ký* của Dương Huyền Chi; 6/ Loại chế độ, như: *Hán quan nghi* của ứng Chiếu, *Cổ kim dư phục tạp sự* của Chu Thiên; 7/ Loại phong

tục, như: *Phong thổ ký* của Chu Xứ, *Kinh sử tuế thời ký* của Tông Lãm; 8/ Loại tôn giáo, như: *Cao Tăng truyện* của Huệ Giáo, *Hoàng Minh tập* của Tăng Hựu; 9/ Loại sản vật, như: *Giao Châu dị vật chí* của Dương Phù, *Vạn vật chí* của Hứa Thiện Tâm; 10/ Loại sáng chế, như: *Lậu khắc kinh* của Hà Thừa Thiên, *Tề dân yếu thuật* của Giả Tư Hiệp; 11/ Loại mục lục, như: *Thất lược* của Lưu Hâm, *Thất lục* của Nguyễn Hiếu Tự, v.v...

Thời kỳ Tùy - Đường - Tống - Nguyên (581-1368), cùng với sự phát triển mạnh mẽ của sử học, trước tác Tạp sử cũng tăng gấp bội, phạm vi không ngừng được mở rộng; không những số lượng sách Tạp sử thuộc 11 loại kể trên ngày càng nhiều, mà còn xuất hiện rất nhiều loại trước tác Tạp sử mới. Đã có những trước tác phê bình lịch sử, phê bình tác phẩm sử học, như: *Sử thông* của Lưu Tri Kỷ thời Đường, *Ban Mã dị đồng* của Nghệ Tư thời Tống, *Tân Đường thư củ mậu* của Ngô Chấn; có những trước tác Tạp sử chuyên ghi chép sự tích trong triều ngoài nội, như: *Ý lâm* của Mã Tổng thời Đường và *Loại thuyết* của Tăng Tháo thời Tống; có những sách tập hợp cố sự điển chương trong lịch sử thành từng loại, như: *Nghệ văn loại tự* của Âu Dương Tuân, *Bắc đường thư sao* của Ngu Thế Nam thời Đường, *Thái bình ngự lãm* của Lý Phảng thời Tống; và còn có những trước tác địa chí, ghi chép về phong tục và địa lý của một vùng nào đó.

Hai thời Minh - Thanh (1368-1911), trong toàn bộ trước tác sử học, Tạp sử chiếm tỷ lệ lớn. Riêng giai đoạn cuối Minh đầu Thanh, trong hơn 1000 loại sách được thống kê trong bộ *Văn Minh sử tịch khảo* thì Tạp sử chiếm hơn một nửa.

Dã sử là chỉ loại sách sử do tư gia sở hữu, ngoài các loại sách sử do các triều đại phong kiến chủ trương biên soạn. Với hàm nghĩa này, Dã sử có phần gần gũi với Tạp sử và Biệt sử.

Trên thực tế, những loại biệt của sách sử Trung Quốc vô cùng phong phú, không chỉ hạn chế ở 4 loại Chính sử, Biệt sử, Tạp sử và Dã sử. Trong các loại thư mục thời xưa, còn có nhiều danh mục, như: Quốc sử, Ngụy sử, Bá sử, Thông sử, Gia sử, Văn sử, Ngoại sử, Tiển sử, Bại sử (tức Dã sử), Ước sử, Nữ sử, Bản sử, Quần sử, Dật sử, Học sử, Văn hóa sử, Chuyên sử, v.v... Danh mục phức tạp như vậy, có loại là biệt danh của một trong 4 loại trên, có loại là sự phân loại nhỏ hơn nữa của một trong 4 loại trên, có một số loại thì có hàm nghĩa đặc thù. Dẫu là như thế, thì việc quy nạp những tác phẩm sử học thành 4 loại lớn là Chính sử, Biệt sử, Tạp sử và Dã sử cũng đã giúp người đọc đại để biết được nội dung của những lưu phái chủ yếu trong số lượng trước tác có thể nói là vô cùng lớn, của nền sử học Trung Quốc.

DUY ĐẠT biên khảo

## SÁCH THAM KHẢO

1. Trình Dự Trinh: *Trung Quốc văn hóa yếu lược*, Ngoại ngữ giáo học dữ nghiên cứu xuất bản xã, Bắc Kinh, 1998.
2. Nhiều tác giả: *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1989.
3. *Từ Hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1989.
4. Chu Tự Thanh: *Kinh điển thường đàm*, Hoàng Đạo văn hóa sự nghiệp hữu hạn công ty, Đài Bắc, 1971.

